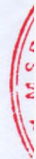


# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(đã được soát xét)





## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-33
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	30-32
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	33



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Số: 050824.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 05 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.




## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2024, nợ ngắn hạn (mã số 310) của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 382,88 tỷ VND, lỗ lũy kế (mã số 421) 203,33 tỷ VND tương ứng 40,02% vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411). Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



Vũ Xuân Biễn 

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>569.363.875.403</b>	<b>452.397.735.988</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.085.369.024	6.636.203.371
111	1. Tiền		2.085.369.024	6.636.203.371
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		444.128.013.237	357.622.314.430
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	444.010.098.471	357.106.153.445
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	62.302.018	403.050.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	229.893.701	287.391.938
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	III. Hàng tồn kho	8	120.172.456.514	86.148.462.183
141	1. Hàng tồn kho		120.172.456.514	86.148.462.183
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.978.036.628	1.990.756.004
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.825.860.920	1.990.756.004
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.152.175.708	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>711.777.685.088</b>	<b>741.071.732.640</b>
220	I. Tài sản cố định		688.504.703.094	717.198.522.464
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	688.504.703.094	717.198.522.464
222	- Nguyên giá		1.258.722.041.923	1.258.722.041.923
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(570.217.338.829)	(541.523.519.459)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(246.000.000)	(246.000.000)
260	II. Tài sản dài hạn khác		23.272.981.994	23.873.210.176
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	23.272.981.994	23.873.210.176
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.281.141.560.491</b>	<b>1.193.469.468.628</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		976.468.056.651	898.731.615.186
310	I. Nợ ngắn hạn		952.244.769.594	816.508.328.129
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	571.937.795.640	476.440.824.208
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.130.901.678	5.116.125.835
314	3. Phải trả người lao động		8.225.018.201	8.263.070.369
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	403.636.514	509.726.090
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.579.504.383	3.270.153.155
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	363.467.913.178	322.908.428.472
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	1.500.000.000	-
330	II. Nợ dài hạn		24.223.287.057	82.223.287.057
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	24.223.287.057	82.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		304.673.503.840	294.737.853.442
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	304.673.503.840	294.737.853.442
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(203.326.497.627)	(213.262.148.025)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(213.262.148.025)	(216.209.341.558)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.935.650.398	2.947.193.533
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.281.141.560.491	1.193.469.468.628

Nguyễn Thị Huệ  
Người lậpNguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởngTrần Tuấn  
Tổng Giám đốc

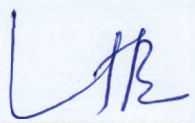
Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2024

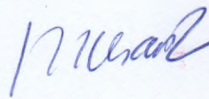



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.620.377.399.935	1.923.287.341.270
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.620.377.399.935	1.923.287.341.270
11	4. Giá vốn hàng bán	21	2.585.346.405.416	1.901.833.378.961
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.030.994.519	21.453.962.309
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.772.824	2.381.172
22	7. Chi phí tài chính	23	16.738.080.840	20.507.008.877
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.677.489.847	20.432.947.903
25	8. Chi phí bán hàng	24	116.321.289	95.741.407
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.296.631.601	5.194.210.125
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.881.733.613	(4.340.616.928)
31	11. Thu nhập khác	26	571.786.563	604.079.517
32	12. Chi phí khác	27	22.599.943	3.095.207.757
40	13. Lợi nhuận khác		549.186.620	(2.491.128.240)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.430.920.233	(6.831.745.168)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.495.269.835	477.278.118
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.935.650.398	(7.309.023.286)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	196	(144)

  
Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

  
Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

  
Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2024

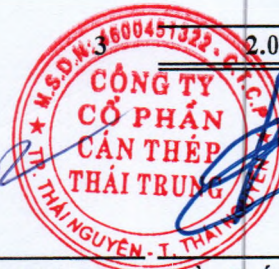


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.430.920.233	(6.831.745.168)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.693.819.370	21.435.654.569
03	- Các khoản dự phòng		1.500.000.000	512.746.450
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.772.824)	(2.381.172)
06	- Chi phí lãi vay		16.677.489.847	20.432.947.903
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		59.300.456.626	35.547.222.582
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(87.657.874.515)	206.536.612.754
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(34.023.994.331)	560.067.397
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		95.418.329.293	(214.592.756.769)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		765.123.266	3.538.035.840
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.560.402.734)	(20.409.497.881)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.353.729.482)	(1.434.598.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.887.908.123	9.745.085.832
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.772.824	2.381.172
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.772.824	2.381.172
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		378.500.999.725	302.703.312.074
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(395.941.515.019)	(315.954.965.283)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.440.515.294)	(13.251.653.209)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.550.834.347)	(3.504.186.205)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.636.203.371	4.432.791.303
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		2.085.369.024	928.605.098

Nguyễn Thị Huệ  
Người lậpNguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởngTrần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 508.000.001.467 VND; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 249 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 252 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 203,33 tỷ VND. Đồng thời, nợ phải trả lớn gấp 3,20 lần vốn chủ sở hữu và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 382,88 tỷ VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai và/ hoặc khả năng thu xếp tài chính từ các bên khác của Công ty.

Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 213,26 tỷ VND tại ngày 01/01/2024 xuống còn 203,33 tỷ VND tại ngày 30/06/2024. Đồng thời, hàng năm Công ty đều được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cấp hạn mức tín dụng, đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2024, thị trường thép có tín hiệu hồi phục so với cùng kỳ năm trước, tuy giá bán có giảm nhẹ nhưng sản lượng bán hàng tăng mạnh khiến doanh thu và lợi nhuận gộp tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể doanh thu kỳ này tăng 697,09 tỷ VND tương ứng tăng 36,24%, lợi nhuận gộp tăng 13,58 tỷ VND tương ứng 63% so với cùng kỳ năm trước. Các nguyên nhân trên dẫn đến kết quả kinh doanh kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước.



## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCĐN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Ngoại trừ Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng, khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.9 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Các khoản chi phí vật liệu phụ phục vụ sản xuất được phân bổ căn cứ trên cơ sở định mức tiêu hao kinh tế kỹ thuật.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



**2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.12 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

**2.15 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.



## 2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

## 2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.23 . Thông tin bộ phận**

Trong kỳ, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	176.029.894	23.725.965
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.909.339.130	6.612.477.406
	<b>2.085.369.024</b>	<b>6.636.203.371</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>443.056.752.391</b>	<b>-</b>	<b>356.931.872.492</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	443.056.752.391	-	356.931.872.492	-
<b>Bên khác</b>	<b>953.346.080</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>174.280.953</b>	<b>(174.280.953)</b>
Công ty TNHH Natsteelvina	756.968.377	-	-	-
Các khách hàng khác	196.377.703	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	<b>444.010.098.471</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>357.106.153.445</b>	<b>(174.280.953)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH SAIGON TRUST	-	-	348.625.200	-
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	48.600.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	13.702.018	-	54.424.800	-
	<b>62.302.018</b>	<b>-</b>	<b>403.050.000</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	169.424.549	-	172.635.060	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Thỏa ước lao động tập thể	-	-	37.787.726	-
Phải thu khác	469.152	-	16.969.152	-
	<b>229.893.701</b>	<b>-</b>	<b>287.391.938</b>	<b>-</b>
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
Các đối tượng khác	169.893.701	-	227.391.938	-
	<b>229.893.701</b>	<b>-</b>	<b>287.391.938</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	174.280.953	-	174.280.953	-
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	<u>174.280.953</u>	<u>-</u>	<u>174.280.953</u>	<u>-</u>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	119.249.913.889	-	85.365.107.948	-
Công cụ, dụng cụ	922.542.625	-	783.354.235	-
	<u>120.172.456.514</u>	<u>-</u>	<u>86.148.462.183</u>	<u>-</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	164.411.326.048	896.812.978.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.722.041.923
Số dư cuối kỳ	<b>164.411.326.048</b>	<b>896.812.978.606</b>	<b>197.305.440.949</b>	<b>192.296.320</b>	<b>1.258.722.041.923</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	66.153.710.758	405.642.153.208	69.555.242.194	172.413.299	541.523.519.459
- Khấu hao trong kỳ	3.487.246.692	20.914.630.844	4.287.781.836	4.159.998	28.693.819.370
Số dư cuối kỳ	<b>69.640.957.450</b>	<b>426.556.784.052</b>	<b>73.843.024.030</b>	<b>176.573.297</b>	<b>570.217.338.829</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	98.257.615.290	491.170.825.398	127.750.198.755	19.883.021	717.198.522.464
Tại ngày cuối kỳ	<b>94.770.368.598</b>	<b>470.256.194.554</b>	<b>123.462.416.919</b>	<b>15.723.023</b>	<b>688.504.703.094</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 687.765.681.711 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.334.385.526 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 lần lượt là 246.000.000 VND và 246.000.000 VND. Khấu hao trong kỳ là 0 VND.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa và công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.428.650.000	1.569.666.667
Chi phí mua bảo hiểm	76.740.140	404.355.998
Tiền thuê đất	195.220.775	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	125.250.005	16.733.339
	<b>1.825.860.920</b>	<b>1.990.756.004</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa xuất dùng chờ phân bổ	7.017.052.086	8.121.233.630
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	15.855.716.071	15.529.109.550
Chi phí trả trước dài hạn khác	400.213.837	222.866.996
	<b>23.272.981.994</b>	<b>23.873.210.176</b>

(\*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>544.005.651.669</b>	<b>544.005.651.669</b>	<b>457.044.022.340</b>	<b>457.044.022.340</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	544.005.651.669	544.005.651.669	457.044.022.340	457.044.022.340
<b>Bên khác</b>	<b>27.932.143.971</b>	<b>27.932.143.971</b>	<b>19.396.801.868</b>	<b>19.396.801.868</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	12.836.722.273	12.836.722.273	7.795.825.857	7.795.825.857
Đối tượng khác	15.095.421.698	15.095.421.698	11.600.976.011	11.600.976.011
	<b>571.937.795.640</b>	<b>571.937.795.640</b>	<b>476.440.824.208</b>	<b>476.440.824.208</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Bù trừ tiền thuế đất được giảm năm 2023	Bù trừ tiền thu quá sau quyết toán	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.762.396.353	6.979.016.762	7.298.391.659	-	-	-	1.443.021.456
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.353.729.482	2.495.269.835	3.353.729.482	-	-	-	2.495.269.835
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	44.341.971	43.807.137	-	534.834	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	392.738.412	125.400.508	74.727.517	-	-	192.610.387
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
	-	<b>5.116.125.835</b>	<b>9.914.366.980</b>	<b>10.824.328.786</b>	<b>74.727.517</b>	<b>534.834</b>	-	<b>4.130.901.678</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	343.636.514	487.140.394
- Chi phí phải trả khác	60.000.000	22.585.696
	<b>403.636.514</b>	<b>509.726.090</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	97.180.950	98.236.064
- Phải trả lãi vay	2.361.993.531	3.101.402.538
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	2.361.993.531	3.101.402.538
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	120.329.902	70.514.553
	<b>2.579.504.383</b>	<b>3.270.153.155</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**16 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	243.408.428.472	243.408.428.472	378.500.999.725	373.441.515.019	248.467.913.178	248.467.913.178
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	243.408.428.472	243.408.428.472	378.500.999.725	373.441.515.019	248.467.913.178	248.467.913.178
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	79.500.000.000	79.500.000.000	58.000.000.000	22.500.000.000	115.000.000.000	115.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	79.500.000.000	79.500.000.000	58.000.000.000	22.500.000.000	115.000.000.000	115.000.000.000
	<u>322.908.428.472</u>	<u>322.908.428.472</u>	<u>436.500.999.725</u>	<u>395.941.515.019</u>	<u>363.467.913.178</u>	<u>363.467.913.178</u>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	161.723.287.057	161.723.287.057	-	22.500.000.000	139.223.287.057	139.223.287.057
	<u>161.723.287.057</u>	<u>161.723.287.057</u>	<u>-</u>	<u>22.500.000.000</u>	<u>139.223.287.057</u>	<u>139.223.287.057</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(79.500.000.000)	(79.500.000.000)	(58.000.000.000)	(22.500.000.000)	(115.000.000.000)	(115.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>82.223.287.057</u>	<u>82.223.287.057</u>			<u>24.223.287.057</u>	<u>24.223.287.057</u>

Thông tin bổ sung về các khoản vay được trình bày tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự phòng phải trả chi phí sửa chữa TSCĐ	1.500.000.000	-
	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	508.000.001.467	(216.209.341.558)	291.790.659.909
Lỗ trong kỳ trước	-	(7.309.023.286)	(7.309.023.286)
Số dư cuối kỳ trước	<b>508.000.001.467</b>	<b>(223.518.364.844)</b>	<b>284.481.636.623</b>
Số dư đầu kỳ này	508.000.001.467	(213.262.148.025)	294.737.853.442
Lãi trong kỳ này	-	9.935.650.398	9.935.650.398
Số dư cuối kỳ này	<b>508.000.001.467</b>	<b>(203.326.497.627)</b>	<b>304.673.503.840</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68	475.876.533.387	93,68	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77	24.208.538.080	4,77	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55	7.914.930.000	1,55	7.914.930.000
	<b>100,00</b>	<b>508.000.001.467</b>	<b>100,00</b>	<b>508.000.001.467</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2024	01/01/2024
- Phôi nhận gửi (tấn)	12.924,672	15.345,534
- Thép nhận gửi (tấn)	15.859,129	9.076,515

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.620.377.399.935	1.923.287.341.270
	<u>2.620.377.399.935</u>	<u>1.923.287.341.270</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>2.573.904.876.775</u>	<u>1.923.287.341.270</u>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	2.585.346.405.416	1.901.833.378.961
	<u>2.585.346.405.416</u>	<u>1.901.833.378.961</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>2.424.629.542.835</u>	<u>1.796.784.926.190</u>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.772.824	2.381.172
	<u>1.772.824</u>	<u>2.381.172</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.677.489.847	20.432.947.903
Lãi ứng trước tiền gia công, lãi mua hàng trả chậm	60.590.993	74.060.974
	<b>16.738.080.840</b>	<b>20.507.008.877</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.959.091	3.286.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.370.100	48.219.400
Chi phí khác bằng tiền	44.992.098	44.236.000
	<b>116.321.289</b>	<b>95.741.407</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	321.631.954	338.890.527
Chi phí nhân công	2.580.043.609	2.007.121.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	415.248.972	428.310.006
Thuế, phí, lệ phí	200.517.637	135.063.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.293.250	832.090.199
Chi phí khác bằng tiền	1.800.896.179	1.452.734.360
	<b>6.296.631.601</b>	<b>5.194.210.125</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền thuê đất được giảm 30% theo quy định	74.727.517	74.727.517
Thu nhập từ thu hồi thép phế	426.495.000	525.552.000
Thu nhập khác	70.564.046	3.800.000
	<b>571.786.563</b>	<b>604.079.517</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	428.943	250.337
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất	-	3.091.927.420
Chi phí khác	22.171.000	3.030.000
	<b>22.599.943</b>	<b>3.095.207.757</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.430.920.233	(6.831.745.168)
Các khoản điều chỉnh tăng	45.428.943	9.218.135.756
- Chi phí không hợp lệ	45.428.943	9.218.135.756
Thu nhập chịu thuế TNDN	12.476.349.176	2.386.390.588
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.495.269.835</b>	<b>477.278.118</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.353.729.482	1.434.598.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.353.729.482)	(1.434.598.091)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>2.495.269.835</b>	<b>477.278.118</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.935.650.398	(7.309.023.286)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.935.650.398	(7.309.023.286)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.800.000	50.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>196</b>	<b>(144)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.527.619.139.787	1.862.199.089.604
Chi phí nhân công	18.552.363.404	13.177.911.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.693.819.370	20.783.165.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.712.528.152	6.746.990.730
Chi phí khác bằng tiền	5.184.371.096	4.216.172.656
	<b>2.591.762.221.809</b>	<b>1.907.123.330.493</b>



**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền	1.909.339.130	-	-	1.909.339.130
Phải thu khách hàng, phải thu khác	444.065.711.219	-	-	444.065.711.219
	<u>445.975.050.349</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>445.975.050.349</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền	6.612.477.406	-	-	6.612.477.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	357.219.264.430	-	-	357.219.264.430
	<u>363.831.741.836</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>363.831.741.836</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	363.467.913.178	24.223.287.057	-	387.691.200.235
Phải trả người bán, phải trả khác	574.517.300.023	-	-	574.517.300.023
Chi phí phải trả	403.636.514	-	-	403.636.514
	<b>938.388.849.715</b>	<b>24.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>962.612.136.772</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	322.908.428.472	82.223.287.057	-	405.131.715.529
Phải trả người bán, phải trả khác	479.710.977.363	-	-	479.710.977.363
Chi phí phải trả	509.726.090	-	-	509.726.090
	<b>803.129.131.925</b>	<b>82.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>885.352.418.982</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Doanh thu		<b>2.573.904.876.775</b>	<b>1.923.287.341.270</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	2.573.904.876.775	1.923.287.341.270
Mua hàng		<b>2.424.629.542.835</b>	<b>1.796.784.926.190</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	2.424.629.542.835	1.796.784.926.190



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

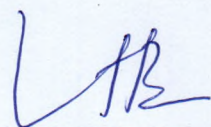
Thu nhập của người quản lý chủ chốt

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
		VND	VND
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	40.000.000	33.500.000
Ông Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	217.973.765	203.840.247
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc	178.656.950	170.769.668
Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban BKS	146.580.143	143.531.406
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 28/04/2023)	-	118.395.682
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên BKS	9.000.000	10.500.000
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 28/04/2023)	155.354.684	11.576.250


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



Nguyễn Thị Huệ  
Người lập



Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2024	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
1	HĐ vay ngắn hạn số 14.01/2024/2573181/HĐTD	19/02/2024	7,8%	5 tháng	17.208.517.394	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 15.01/2024/2573181/HĐTD	20/02/2024	7,8%	5 tháng	2.070.651.876	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 16.01/2024/2573181/HĐTD	27/02/2024	7,8%	5 tháng	2.002.396.855	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 17.01/2024/2573181/HĐTD	29/02/2024	7,8%	5 tháng	2.651.992.056	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 18.01/2024/2573181/HĐTD	12/03/2024	7,8%	5 tháng	2.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 19.01/2024/2573181/HĐTD	15/03/2024	7,8%	5 tháng	2.009.234.754	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 20.01/2024/2573181/HĐTD	21/03/2024	7,8%	5 tháng	1.075.591.804	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 21.01/2024/2573181/HĐTD	21/03/2024	7,8%	5 tháng	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 22.01/2024/2573181/HĐTD	22/03/2024	7,8%	5 tháng	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 23.01/2024/2573181/HĐTD	25/03/2024	7,8%	5 tháng	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 24.01/2024/2573181/HĐTD	28/03/2024	7,8%	5 tháng	1.711.230.627	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 25.01/2024/2573181/HĐTD	02/04/2024	7,8%	5 tháng	10.700.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 26.01/2024/2573181/HĐTD	05/04/2024	7,4%	5 tháng	5.944.084.482	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 27.01/2024/2573181/HĐTD	08/04/2024	7,4%	5 tháng	15.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 28.01/2024/2573181/HĐTD	09/04/2024	7,4%	5 tháng	17.600.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 29.01/2024/2573181/HĐTD	15/04/2024	7,4%	5 tháng	1.145.415.290	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 30.01/2024/2573181/HĐTD	17/04/2024	7,4%	5 tháng	970.381.828	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 31.01/2024/2573181/HĐTD	17/04/2024	7,4%	5 tháng	14.115.052.729	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2024	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên							
19	HĐ vay ngắn hạn số 32.01/2024/2573181/HĐTD	22/04/2024	7,4%	5 tháng	3.724.091.193	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 33.01/2024/2573181/HĐTD	23/04/2024	7,4%	5 tháng	4.650.398.833	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 34.01/2024/2573181/HĐTD	25/04/2024	7,4%	5 tháng	3.592.866.762	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
22	HĐ vay ngắn hạn số 35.01/2024/2573181/HĐTD	26/04/2024	7,4%	5 tháng	1.945.466.724	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
23	HĐ vay ngắn hạn số 36.01/2024/2573181/HĐTD	26/04/2024	7,4%	5 tháng	1.814.071.050	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
24	HĐ vay ngắn hạn số 37.01/2024/2573181/HĐTD	04/05/2024	7,4%	5 tháng	3.308.719.924	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
25	HĐ vay ngắn hạn số 38.01/2024/2573181/HĐTD	07/05/2024	7,4%	5 tháng	35.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
26	HĐ vay ngắn hạn số 39.01/2024/2573181/HĐTD	09/05/2024	7,4%	5 tháng	3.212.298.137	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
27	HĐ vay ngắn hạn số 40.01/2024/2573181/HĐTD	10/05/2024	7,4%	5 tháng	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
28	HĐ vay ngắn hạn số 41.01/2024/2573181/HĐTD	13/05/2024	7,4%	5 tháng	19.227.388.345	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
29	HĐ vay ngắn hạn số 42.01/2024/2573181/HĐTD	14/05/2024	7,4%	5 tháng	5.199.637.300	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
30	HĐ vay ngắn hạn số 43.01/2024/2573181/HĐTD	16/05/2024	7,4%	5 tháng	1.496.261.671	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
31	HĐ vay ngắn hạn số 44.01/2024/2573181/HĐTD	17/05/2024	7,4%	5 tháng	3.449.037.807	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
32	HĐ vay ngắn hạn số 45.01/2024/2573181/HĐTD	21/05/2024	7,4%	5 tháng	5.764.134.043	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
33	HĐ vay ngắn hạn số 46.01/2024/2573181/HĐTD	23/05/2024	7,4%	5 tháng	875.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
34	HĐ vay ngắn hạn số 47.01/2024/2573181/HĐTD	28/05/2024	7,4%	5 tháng	4.606.793.505	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
35	HĐ vay ngắn hạn số 48.01/2024/2573181/HĐTD	04/06/2024	7,4%	5 tháng	2.196.229.701	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
36	HĐ vay ngắn hạn số 49.01/2024/2573181/HĐTD	06/06/2024	7,4%	5 tháng	6.316.581.289	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2024	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
37	HĐ vay ngắn hạn số 50.01/2024/2573181/HĐTD	14/06/2024	7,0%	5 tháng	3.687.533.728	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
38	HĐ vay ngắn hạn số 51.01/2024/2573181/HĐTD	20/06/2024	7,0%	5 tháng	2.483.873.500	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
39	HĐ vay ngắn hạn số 52.01/2024/2573181/HĐTD	27/06/2024	7,0%	5 tháng	2.712.979.971	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	Tổng cộng				248.467.913.178		

Tổng hạn mức các hợp đồng tín dụng nêu trên là 250.000.000.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Tổ 13, Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2024	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên</b>				<b>60.686.377.884</b>	<b>50.105.500.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	60.686.377.884	50.105.500.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang</b>				<b>27.411.973.105</b>	<b>22.643.500.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	27.411.973.105	22.643.500.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)</b>				<b>18.265.367.555</b>	<b>15.088.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	18.265.367.555	15.088.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân Hàng NN&amp;PT Nông thôn CN Thái Nguyên</b>				<b>14.594.200.959</b>	<b>12.075.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	14.594.200.959	12.075.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)</b>				<b>9.132.683.777</b>	<b>7.544.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	9.132.683.777	7.544.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên</b>				<b>9.132.683.777</b>	<b>7.544.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	9.132.683.777	7.544.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Tổng cộng</b>				<b>139.223.287.057</b>	<b>115.000.000.000</b>	

(\*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

